

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: Điện công nghiệp Mã nghề: 5520257
2. Trình độ đào tạo: Trung cấp Lớp ĐCN22
3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên
4. Mục tiêu đào tạo:

4.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề điện trong lĩnh vực công nghiệp như: Lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị điện, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp...

4.2. Mục tiêu cụ thể:

4.2.1. Về kiến thức

- + Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và các tính năng, tác dụng của các loại thiết bị điện, khái niệm cơ bản, quy ước sử dụng trong nghề Điện công nghiệp.
- + Nhận biết được cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị và hệ thống điện công nghiệp và hướng giải quyết các sự cố đó.
- + Hiểu được cách đọc các bản vẽ thiết kế điện và phân tích được nguyên lý các bản vẽ thiết kế điện như bản vẽ cấp điện, bản vẽ nguyên lý mạch điều khiển.
- + Vận dụng được các nguyên tắc trong thiết kế cấp điện và đặt phụ tải cho các hộ dùng điện cụ thể (một phân xưởng, một hộ dùng điện).
- + Vận dụng được các nguyên tắc lắp ráp, sửa chữa thiết bị điện vào hoạt động thực tế của nghề.

4.2.2. Về kỹ năng

- + Lắp đặt được hệ thống cấp điện của một xí nghiệp, một phân xưởng vừa và nhỏ đúng yêu cầu kỹ thuật.
- + Sửa chữa, bảo trì được các thiết bị điện trên các dây chuyền sản xuất, đảm bảo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.
- + Phán đoán đúng và sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các hệ thống điều khiển tự động thông thường.
- + Vận hành được những hệ thống điều tốc tự động.
- + Tự học tập, nghiên cứu khoa học về chuyên ngành
- + Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm.
- + Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

5. Khoá: 22

6. Thời gian khoá học: 2 năm (từ T8/2025 đến T8/2027)

7. Thời gian học tập: 86 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô-đun, thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 312 giờ.

8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 18 tuần

9. Địa điểm thực hiện: Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công Thương

10. Quyết định phê duyệt chương trình: *Quyết định số: 341/QĐ-KTKTCT ngày 19 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương*

I. LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Năm học	Tuần																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I				K	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	C	C	H	H	T	T	T	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
	CM	CM	CM	CM	CM	H	H	H	H	H	H	CM	CM	CM	CM	CM	T
II	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	CM	CM	H	H	T	T	T	D	D	D	D	D	D	D	D	D	
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
	D	D	D	D	D	H	H	H	H	H	H	D	D	D	D	D	T

K
Khai giảng

C
Môn chung

CM
Môn học /mô-đun
chuyên môn

T
Ôn, thi kết thúc môn
học, mô đun

H
Nghỉ hè, lễ

D
Thực tập tại
doanh nghiệp

II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Các môn học	Thời gian học tập (giờ)				Kế hoạch giảng dạy				
		Số tín chỉ	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Kiểm tra	Năm 1		Năm 2	
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
1.	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	30			
2.	Pháp luật	1	15	9	5	1		15		
3.	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2		30		
4.	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3	45			
5.	Tin học	2	45	15	29	1	45			
6.	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	90			
7.	An toàn và vật liệu điện	1	30	20	8	2	30			
8.	Mạch điện	4	75	45	26	4		75		
9.	Vẽ điện	1	30	10	18	2	30			
10.	Khí cụ điện	2	45	20	23	2		45		
11.	Điện tử cơ bản	2	45	20	23	2	45			
12.	Kỹ thuật nguội	1	30	6	23	1			30	
13.	Điều khiển điện khí nén	2	45	20	22	3			45	
14.	Đo lường điện	3	60	30	27	3		60		
15.	Máy điện	6	150	30	108	12		150		
16.	Cung cấp điện	2	45	30	12	3			45	
17.	Truyền động điện	2	45	30	12	3			45	
18.	Trang bị điện	6	150	30	108	12			150	
19.	Điện tử công suất	2	45	20	22	3			45	
20.	PLC cơ bản	2	45	30	12	3				45
21.	Kỹ thuật lắp đặt điện	4	120	20	92	8				120
22.	Thực tập nghề nghiệp	4	180	0	180	0				180

23.	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0					270
	Chọn 2 trong 4 môn học/mô đun										
24.	Kỹ thuật lạnh	2	45	20	22	3					
25.	Thiết bị điện gia dụng	2	45	20	22	3					
26.	Kỹ thuật số	2	45	20	22	3					
27.	Kiến thức, kỹ năng bổ trợ	2	45	20	22	3					
	Tổng số	65	1755	495	1178	82	360	375	360		660



THI TỐT NGHIỆP

Số TT	NỘI DUNG THI TỐT NGHIỆP	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp		Hình thức	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (Giờ)			
1	Lý thuyết chuyên môn	7	Thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh, được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.	Viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm	Chấm bài thi viết	
2	Thực hành	7	Từ 4 đến 8 giờ	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Chấm thực hành	

Ngàythángnăm 2025
HIỆU TRƯỞNG

